

Bản án số: 81 /2021/ HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 5 -2021

“V/v Ly hôn giữa bà H và ông H1”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

2. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**

*- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Ông **NGUYỄN THÀNH THÊM**- Kiểm sát viên.*

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 846/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXX-ST ngày 25 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Hồng H**, sinh năm 1983.*

Địa chỉ: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn H1**, sinh năm 1977.*

Địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà H xin vắng mặt, ông H1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà **Phạm Thị Hồng H** trình bày: Bà và ông H1 xác lập quan hệ vợ chồng năm 2004, đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hai người đã chính thức ly thân từ năm 2018 đến nay.*

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị X sinh ngày 02/02/2005 và Huỳnh Thanh T, sinh ngày 30/8/2006. Hiện đang sống cùng ông H1.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bà H xin được ly hôn ông H1. Con chung để ông H1 nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn H1 tại phiên tòa có lời trình bày: Ông thống nhất với nội dung trong đơn khởi kiện xin ly hôn của bà H. Ông xác định cũng không còn tình cảm gì với bà H nên cũng đồng ý ly hôn. Con chung ông đồng ý nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự tuân thủ đúng qui định pháp luật. Riêng ông H1 chưa chấp hành đầy đủ giấy triệu tập của Tòa án.

Ý kiến việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51,56,81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Phạm Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Huỳnh Văn H1. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự trong vụ án: Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng H ngày 25/3/2021 có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận đi làm không thể đến Tòa án được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà H và ông H1 tiến đến hôn nhân năm 2004 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước, có đăng ký kết hôn năm 2009. Tuy nhiên, ông bà chỉ chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân do tính tình không H1 nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi nhau. Qua xác minh chính quyền địa phương xác định hiện tại bà H đã bỏ đi nơi khác sống. Đối với ông H1 trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã không tham gia hòa giải dù được Tòa án triệu tập. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông xác định không còn tình cảm và đồng ý ly hôn với bà H. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng ông bà không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho bà H được ly hôn với ông H1 là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị X, sinh ngày 02/02/2005 và Huỳnh Thanh T, sinh ngày 30/8/2006. Hiện đang sống cùng ông H1, ông cũng đồng ý nuôi con chung. Xét thấy, hiện 02 con chung đang sống ổn định với ông H1. Tòa án cũng có qui định cho bà H cung cấp bản khai và dẫn con chung đến Tòa án để các cháu cho biết nguyện vọng muốn sống với ai nhưng bà không thực hiện. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống con nên Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Huỳnh Thị X và Huỳnh Thanh T cho ông H1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù H1 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không tự nguyện, phía ông H1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[7] Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phù H1 với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị Hồng H.

1. Về hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Hồng H ly hôn với ông Huỳnh Văn H1.

2. Con chung: Tiếp tục giao con chung chưa thành niên Huỳnh Thị X sinh ngày 02/02/2005 và Huỳnh Thanh T, sinh ngày 30/8/2006 cho ông Huỳnh Văn H1 nuôi dưỡng. Bà Phạm Thị Hồng H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Hồng H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004612 ngày 30/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường H1 bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Huỳnh Văn H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bà Phạm Thị Hồng H thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết..

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh H).
- (2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện S, thành phố H).
- (3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.
- (4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.
- (5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi “TLST”, nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi “TLPT”; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.
- (8) Nếu thuộc trường H1 quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lẽ công bằng (nếu có).
- (9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.